

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 không có chi phí lãi vay vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với hoạt động sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ, các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Tiền mặt	20.536.285	21.823.681
Tiền gửi ngân hàng	125.459.155	158.125.316
Tổng	145.995.440	179.948.997

5.2 Phải thu khách hàng

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>946.458.550</i>	<i>918.954.550</i>
Công ty CP Du lịch Nam Định	63.720.000	63.720.000
Công ty CP sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	141.284.421	141.284.421
Công ty CP XNK TCMN & DL Thương Nhân Hapo	51.519.946	51.519.946
Công ty CP Siêu thị Hà Nội	10.518.877	-
Công ty TNHH MTV SX và TM Thanh Thảo	96.601.815	96.601.815
Công ty TNHH SX&TM Trường An	100.500.027	100.500.027
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	33.058.345	33.058.345
Công ty CP Vàng Thăng Long	3.746.001	3.746.001
Công ty CP thực phẩm Hà Nội	9.216.663	9.216.663
Đối tượng khác	436.292.455	419.307.332
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>229.608.713</i>	<i>229.608.713</i>

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>53.927.526</u>	<u>54.477.526</u>
Công ty CP đầu tư và thương mại Kinh Bắc	45.927.526	45.927.526
Công ty TNHH TM công nghệ số Trường Giang	-	550.000
Công ty TNHH Hoàng Anh 1	8.000.000	8.000.000

5.4 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/03/2020		01/04/2019	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Hàng tồn kho		3.188.013.102		3.188.013.102
Tổng		<u><u>3.188.013.102</u></u>		<u><u>3.188.013.102</u></u>

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	442.364.124	371.551.937	442.364.124	371.551.937
Công cụ, dụng cụ	161.914.565	161.914.562	161.914.565	161.914.562
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.174.479.505	-	1.175.398.917	-
Thành phẩm	110.875.389	-	124.330.232	-
Hàng hóa	4.006.336	4.006.329	4.006.336	4.006.329
Tổng	<u><u>1.893.639.919</u></u>	<u><u>537.472.828</u></u>	<u><u>1.908.014.174</u></u>	<u><u>537.472.828</u></u>

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.510.206.167	2.862.321.731	235.305.979	14.607.833.877
Số dư cuối năm	<u>11.510.206.167</u>	<u>2.862.321.731</u>	<u>235.305.979</u>	<u>14.607.833.877</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.067.948.110	2.739.293.005	225.501.545	7.032.742.660
Khấu hao trong năm	629.548.808	61.790.071	9.804.434	701.143.313
Số dư cuối năm	<u>4.697.496.918</u>	<u>2.801.083.076</u>	<u>235.305.979</u>	<u>7.733.885.973</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	7.442.258.057	123.028.726	9.804.434	7.575.091.217
Tại ngày cuối năm	<u>6.812.709.249</u>	<u>61.238.655</u>	-	<u>6.873.947.904</u>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình tại 31 tháng 03 năm 2020 hết khấu hao vẫn còn sử dụng: 3.213.214.710 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	484.412.705	-	485.385.505	-
Tạm ứng	136.137.889	-	140.137.889	-
Nguyễn Đắc Kiên	208.259.645	-	208.259.645	-
Phải thu khác	140.015.171	-	136.987.971	-

5.8 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	898.954.550	-	
Công ty CP sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	141.284.421	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV SX và TM Thanh Thảo	96.601.815	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH SX&TM Trường An	100.500.027	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	560.568.287	-	Trên 3 năm
Tổng	898.954.550	-	

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phân mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.000.000	32.500.000	79.500.000
Số dư cuối năm	47.000.000	32.500.000	79.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	47.000.000	30.062.463	77.062.463
Khấu hao trong năm	-	2.437.537	2.437.537
Số dư cuối năm	47.000.000	32.500.000	79.500.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	2.437.537	2.437.537
Tại ngày cuối năm	-	-	-

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	522.064.418	522.064.418
Phí dự án KCN và chế xuất Hà Nội	350.635.847	350.635.847
Mua máy và thiết bị Công ty công nghệ Minh Đức	171.428.571	171.428.571
Tổng	522.064.418	522.064.418

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Chi phí trả trước

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	5.654.956.920	5.655.586.500
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	5.654.956.920	5.655.586.500
<i>Dài hạn</i>	8.421.238.539	8.645.846.226
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất	6.940.364.701	7.130.946.793
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	1.480.873.838	1.514.899.433
Tổng	14.076.195.459	14.301.432.726

5.12 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020		01/04/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>	6.340.845.407	6.340.845.407	6.287.651.435	6.287.651.435
Tổng Công ty				
Thương mại	2.202.151.259	2.202.151.259	2.088.957.287	2.088.957.287
Hà Nội				
Tổng Công ty				
thương mại Hà				
Nội-CTCP-Trung	2.567.146.336	2.567.146.336	2.627.146.336	2.627.146.336
tâm kinh doanh				
miễn thuế				
Đối tượng khác	1.571.547.812	1.571.547.812	1.571.547.812	1.571.547.812
Tổng	6.340.845.407	6.340.845.407	6.287.651.435	6.287.651.435
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	4.769.297.595	4.769.297.595	4.716.103.623	4.716.103.623

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	1.102.367.395	1.110.374.523
Công ty CP đầu tư thương mại Hapro Đà Nẵng	581.664.624	581.664.624
Công ty TNHH thiết bị GD Đức Thanh	110.000.000	110.000.000
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP - TTPTTT nội địa	361.808.923	361.808.923
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP- TTKD miễn thuế	-	7.991.128
Đối tượng khác	48.893.848	48.909.848
Tổng	1.102.367.395	1.110.374.523
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	410.702.771	410.718.771

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020			31/03/2020
	01/04/2019	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	
Phải nộp	877.410	110.738.077	109.446.518	2.168.969
Thuế GTGT	-	98.107.580	95.938.611	2.168.969
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	877.410	8.630.497	9.507.907	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	8.129.190	-	-	8.129.190
Thuế Thu nhập cá nhân	8.129.190	-	-	8.129.190

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Doanh thu nhận trước	50.000.000	50.000.000
Tổng	50.000.000	50.000.000

5.16 Phải trả khác

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.892.140.239	2.150.266.578
Kinh phí công đoàn	60.473.914	60.391.566
Bảo hiểm xã hội	197.247.070	535.773.980
Bảo hiểm y tế	39.297.622	39.278.277
Bảo hiểm thất nghiệp	60.330.951	60.320.523
Bảo hiểm xã hội Huyện Gia Lâm	80.583.050	294.600
Phải trả về góp vốn (i)	1.385.000.000	1.385.000.000
Phải trả khác	69.207.632	69.207.632
Tổng	1.892.140.239	2.150.266.578

(i) khoản phải trả các cán bộ, nhân viên Công ty đã thu để tăng vốn theo dự kiến nhưng chưa hoàn thành thủ tục tăng vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HẠPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B 09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/03/2020			01/04/2019		
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá gốc	Trả nợ			Giá gốc	Trả nợ
Vay ngắn hạn	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Bình Minh Việt (i)	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Thị Hồng Vân	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP (ii)	800.000.000	800.000.000	-	-	800.000.000	800.000.000

(i) Hợp đồng vay số 01/HĐVV-2014 ngày 02/01/2014 và phụ lục hợp đồng gia hạn thời hạn vay đến 31 tháng 03 năm 2020; số tiền vay ban đầu 300.000.000 đồng; lãi suất áp dụng theo lãi suất ngân hàng; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không dùng tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng vay số 01/12/Hapro-CTR ngày 04/07/2012 và phụ lục hợp đồng gia hạn thời hạn vay đến 31 tháng 03 năm 2020; số tiền vay ban đầu 1.000.000.000 đồng, lãi suất điều chỉnh theo lãi suất của Tổng Công ty huy động từ các tổ chức, cá nhân; mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay không dùng tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

<u>Khoản mục</u>	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư đầu năm trước	32.978.600.000	(14.425.445.124)	18.553.154.876
Lỗ trong năm trước	-	(1.232.587.781)	(1.232.587.781)
Số dư đầu năm này	32.978.600.000	(15.658.032.905)	17.320.567.095
Lỗ trong năm này	-	(1.682.312.113)	(1.682.312.113)
Số dư cuối năm	32.978.600.000	(17.340.345.018)	15.638.254.982

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	18.000.000.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	13.978.600.000	13.978.600.000
Tổng	32.978.600.000	32.978.600.000

c. Cổ phiếu

	31/03/2020	01/04/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.297.860	3.297.860
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.297.860	3.297.860
Cổ phiếu phổ thông	3.297.860	3.297.860
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.860	3.297.860
Cổ phiếu phổ thông	3.297.860	3.297.860
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.106.853.928	899.272.289
Tổng	1.106.853.928	899.272.289
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh 6.2)	149.833.518	54.545.455

5.20 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	747.564.124	818.404.461
Tổng	747.564.124	818.404.461

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	849.586	1.017.776
Tổng	849.586	1.017.776

5.22 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	44.120.544	47.937.749
Chi phí tài chính khác	-	87.162.149
Tổng	44.120.544	135.099.898

5.23 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>1.999.302.999</i>	<i>1.312.563.753</i>
Chi phí nhân viên quản lý	756.015.795	844.247.986
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	898.954.550	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.462.066	21.671.982
Chi phí khác bằng tiền	305.870.588	442.643.785
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>7.019.088</i>	<i>3.249.996</i>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	250.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.437.537	3.249.996
Chi phí khác bằng tiền	4.331.551	-
Tổng	2.006.322.087	1.315.813.749

5.24 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	-	236.363.636
Các khoản khác	7.991.128	15.600.032
Tổng	7.991.128	251.963.668

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU HAPRO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Chi phí khác

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Các khoản phạt	-	60.000.000
Các khoản khác	-	55.523.406
Tổng	-	115.523.406

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	-
Tổng	-	-

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.682.312.113)	(1.232.587.781)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	(1.682.312.113)	(1.232.587.781)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.297.860	3.297.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(510,12)	(373,75)

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Chi phí dự phòng	898.954.550	-
Chi phí nhân công	756.015.795	844.247.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.580.850	739.719.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.462.066	21.671.982
Chi phí khác bằng tiền	314.202.139	446.643.785
Tổng	2.707.215.400	2.052.283.537

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 28 tháng 04 năm 2020, Công ty bổ nhiệm ông Đinh Tiến Thành làm Giám đốc Công ty thay cho ông Trần Vũ Tuấn theo Quyết định số 08/QĐ-CTR-HĐQT và Quyết định số 07/QĐ-CTR-HĐQT ngày 28 tháng 04 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Trần Vũ Tuấn
 Phạm Ngọc Quý
 Phạm Xuân Hà
 Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP
 Công ty CP Vang Thăng Long
 Công ty CP sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm
 Công ty CP XNK TCMN & DL Thương Nhân Hapro
 Công ty CP phân phối Hapro
 Công ty CP Siêu thị Hà Nội

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Thành viên Hội đồng quản trị
 Thành viên Hội đồng quản trị
 Công ty mẹ
 Cổ đông
 Cùng Tổng Công ty
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
<i>Bán hàng</i>		
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	149.833.518	54.545.455
<i>Mua hàng</i>		
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	125.224.842	-
<i>Thu nhập của Ban Giám đốc</i>		
	125.224.842	-

	Từ ngày 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ ngày 01/04/2018 đến 31/03/2019
	VND	VND
Lương và thu nhập khác	6.000.000	6.000.000
Tổng	6.000.000	6.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	31/03/2020	01/04/2019
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	33.058.345	33.058.345
Công ty CP Vang Thăng Long	3.746.001	3.746.001
Công ty CP sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	141.284.421	141.284.421
Công ty CP XNK TCMN & DL Thương Nhân Hapro	51.519.946	51.519.946
<i>Phải trả người bán</i>		
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	4.769.297.595	4.716.103.623
Công ty CP phân phối Hapro	-	-
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>		
Trần Vũ Tuấn	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	28.544.440	28.544.440
<i>Người mua trả tiền trước</i>		
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	410.702.771	410.718.771
<i>Vay và nợ</i>		
Tổng Công ty thương mại Hà Nội-CTCP	800.000.000	800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 Công ty có nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 178.995.879 đồng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc cùng ngày lần lượt là (1.682.312.113) đồng và (34.803.143) đồng, thực tế này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty cho các năm tài chính tiếp theo. Ban giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Tái cơ cấu Công ty
- Đàm phán gia hạn thanh toán các khoản công nợ vay với công ty Mẹ

Ban giám đốc tin tưởng công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, thành viên hãng Kiểm toán quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2020

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hương

Đặng Thị Tuyết

Đình Tiến Thành